

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGHÈO VÀ GIẢM NGHÈO Ở KHU VỰC MIỀN NÚI TÂY BẮC TỈNH NGHỆ AN

TRƯƠNG THỊ NHƯ NGUYỆT

Tóm tắt: Trong những năm gần đây khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An đã có nhiều thành tựu trong công tác giảm nghèo; năm 2021, tỉ lệ hộ nghèo của khu vực là 5,86% (năm 2016 là 20,17%). Có được kết quả đó là nhờ một số lợi thế về vị trí địa lí, nguồn tài nguyên thiên nhiên, việc đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn cho nguồn lao động, sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế, nguồn vốn đầu tư... Bên cạnh những lợi thế trên, những khó khăn về địa hình, khí hậu, sự phân hóa nguồn tài nguyên, vốn đầu tư, dân cư - nguồn lao động, trình độ phát triển kinh tế lại là rào cản trong công cuộc thực hiện chiến lược giảm nghèo của khu vực. Bài viết phân tích tác động của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên - tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế - xã hội tác động đến vấn đề nghèo và giảm nghèo ở khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An, là cơ sở để đưa ra những giải pháp giảm nghèo phù hợp cho khu vực.

Từ khóa: nghèo, giảm nghèo, miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An.

FACTORS ATTRIBUTABLE TO POVERTY AND POVERTY REDUCTION IN THE NORTHWEST MOUNTAINOUS AREA OF NGHE AN PROVINCE

Abstract: In recent years, Nghe An province has achieved significant strides in hunger eradication and poverty reduction in the northwestern mountainous region of the province. The region's poverty rate was only 5.86% in 2021 (as compared to that in 2016 of 20.17%). These results are due to a number of advantages in geographical location, natural resources, promoting training for the workforce, and the growth and structural transformation of the economy, and investment capital. Besides the above advantages, difficulties in terrain management, inclement climate, differentiation of natural resources, investment capital, population-labour source, economic development level are different. All these factors are a barrier to the implementation of the region's poverty reduction strategy. This article analyzes the impact of geographical location, natural resources and socio-economic conditions on poverty and poverty reduction in the Northwestern mountainous region of Nghe An province, as a basis for providing appropriate poverty reduction solutions for the region.

Keywords: poverty, poverty reduction, Northwestern mountainous region of Nghe An province.

1. Đặt vấn đề

Đói nghèo là một trong những rào cản lớn làm giảm khả năng phát triển con người, cộng đồng cũng như mỗi quốc gia. Do vậy, mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực cho người nghèo là phương thức tốt nhất để giảm nghèo

bền vững. Tuyên bố của Liên hợp quốc năm 2008 được lãnh đạo của tất cả các tổ chức trong Liên hợp quốc (UN) thông qua đã nêu: “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không

được đi khám bệnh, không có đất đai trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là sự không an toàn, không có quyền và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn”[3].

Tại Việt Nam, giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, là một trong những biện pháp cơ bản để bảo đảm định hướng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giải quyết tình trạng nghèo đói không những nâng cao đời sống kinh tế, mà còn cải thiện những vấn đề xã hội, đặc biệt là sự bình đẳng của các tầng lớp cư dân, nhất là cư dân nông thôn so với thành thị. Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu to lớn về giảm nghèo, được các tổ chức quốc tế và các nước đánh giá cao về kết quả và quyết tâm chống đói nghèo.

Nghèo đa chiều là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống. Nghèo đa chiều là cách tiếp cận mới nhằm hạn chế việc bỏ sót những đối tượng tuy không nghèo về thu nhập nhưng lại nghèo về các chiều cạnh khác. Tại Việt Nam, Chuẩn nghèo đa chiều bao gồm 2 tiêu chí: 1) Tiêu chí về thu nhập; 2) Tiêu chí về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Các tiêu chí để xác định chuẩn nghèo đa chiều dựa trên văn bản quy phạm pháp luật tương ứng theo từng thời kỳ.

Những năm qua công tác xóa đói giảm nghèo vùng miền núi Nghệ An đạt được những kết quả tích cực. Có được kết quả này là nhờ cấp ủy

chính quyền các cấp và nhân dân đã linh hoạt lồng ghép các chương trình, dự án, huy động nguồn lực xây dựng các mô hình kinh tế phù hợp với từng địa bàn, đã có tác động hiệu quả nâng cao ý thức tự lực, tự cường trong đồng bào dân tộc góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững; bộ mặt nông thôn miền núi Nghệ An đang ngày một thay đổi tích cực.

Khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An (gồm 5 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Châu và thị xã Thái Hòa), có tổng diện tích là 5.363,9 km² (chiếm 32,54% diện tích toàn tỉnh), dân số năm 2021 là 635.438 người (chiếm 18,63% dân số toàn tỉnh) [4]. Với lợi thế nổi bật là tài nguyên đất đỏ bazan thích hợp để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp cùng với địa hình rộng lớn có khả năng hình thành các trang trại, vùng chuyên canh quy mô lớn. Ngoài lợi thế nổi bật về tài nguyên đất, vùng còn có một số lợi thế để phát triển công nghiệp, thương mại và du lịch.

Tuy nhiên, cho đến nay đây vẫn là khu vực chậm phát triển về kinh tế. Công tác giảm nghèo những năm gần đây đã thu được kết quả vượt bậc nhưng tỉ lệ hộ nghèo vẫn cao hơn mức bình quân của toàn tỉnh, đặc biệt có sự phân hóa rõ rệt giữa các địa phương trong vùng. Việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề nghèo và giảm nghèo của khu vực là căn cứ để đưa ra các giải pháp giảm nghèo hiệu quả.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Những tài liệu và số liệu của các nhà khoa học, các cơ quan (UBND tỉnh Nghệ An, UBND các huyện, thị ở khu vực Tây Bắc Nghệ An, Cục Thống kê Nghệ An) có tính tin cậy cao.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

(1) Phương pháp thu thập tài liệu

Phương pháp thu thập tài liệu được thực hiện thông qua hai bước:

- Bước 1: Xác định đối tượng, nội dung và dạng thông tin phải thu thập có liên quan đến bài báo; cụ thể: Đặc điểm về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên - tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu.

- Bước 2: Tiến hành thu thập các tài liệu có liên quan đến vấn đề cần nghiên cứu.

(2) *Phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp*

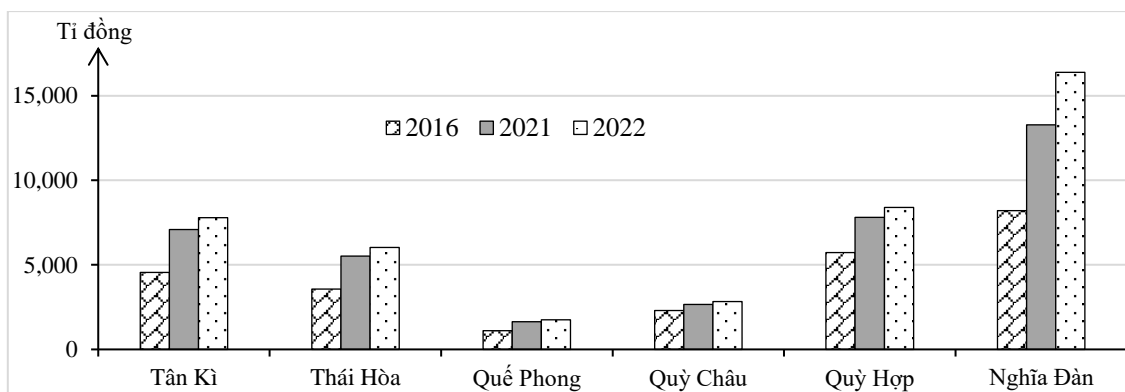
Trên cơ sở những tài liệu đã thu thập, sử dụng phương pháp thống kê để có hệ thống các số liệu phục vụ cho nhiệm vụ nghiên cứu. Việc xử lý số liệu thể hiện trong các bảng hay trực quan hoá thành các biểu đồ.

Những tài liệu sau khi thu thập, xử lý sẽ được phân tích, so sánh và tổng hợp để thấy được mối quan hệ giữa nhân tố vị trí địa lí, tự nhiên và kinh tế - xã hội đối với vấn đề nghèo và giảm nghèo khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tình hình phát triển kinh tế khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của khu vực đạt 6,56%; giá trị tăng thêm bình quân đầu người bằng 70% so với toàn tỉnh, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm trên địa bàn ước đạt 19,1% [5].



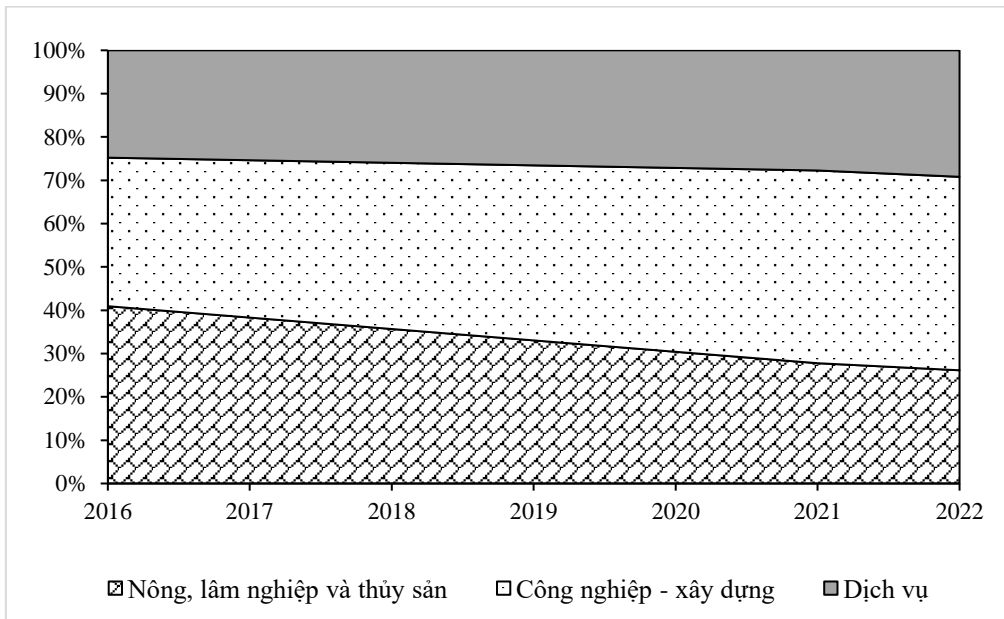
Hình 1. Biểu đồ giá trị sản xuất các huyện trong khu vực Tây Bắc [9]

Sau những phục hồi kinh tế, đến năm 2022, tổng giá trị sản xuất của các huyện, thị khu vực Tây Bắc Nghệ An đã có sự tăng trưởng đáng kể, đạt 43.203 tỉ đồng. Tuy nhiên, có thể thấy, tổng giá trị sản xuất (GTSX) của vùng còn khiêm tốn (chỉ đóng góp khoảng 12% vào GTSX toàn tỉnh, trong khi tỉ trọng dân số là 18,7% toàn tỉnh). Tốc độ tăng trưởng GTSX của khu vực cũng chậm hơn so với toàn tỉnh.

Về cơ cấu nền kinh tế, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực Tây Bắc Nghệ An diễn ra theo xu hướng hiện đại hóa với sự giảm dần của

khu vực sản xuất nông nghiệp Nghệ An và sự tăng dần của khu vực phi nông nghiệp.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phản ánh rõ xu hướng công nghiệp hóa trong nền kinh tế các huyện Tây Bắc Nghệ An. Ngành công nghiệp được chú trọng phát triển nhất là công nghiệp chế biến sâu: nông, lâm sản, khoáng sản, vật liệu xây dựng... đã tạo ra những động lực cho sự tăng trưởng vững chắc công nghiệp nặng của khu vực. Tuy nhiên, sự phụ thuộc của kinh tế các huyện Tây Bắc Nghệ An vào khu vực nông, lâm nghiệp và ngư nghiệp trong điều kiện địa hình, khí hậu khắc nghiệt nên hiệu quả kinh tế không cao.



Hình 2. Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất khu vực Tây Bắc Nghệ An [9]

Ngoài ra, việc tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp của người dân là một thách thức không nhỏ. Khả năng tiếp cận của người dân với các ngành nghề công nghiệp cũng không dễ dàng, nhất là trong điều kiện khu vực tập trung nhiều ngành công nghiệp khai thác khoáng sản và công nghiệp thủy điện.

Trong khi phát triển sinh kế nông, công nghiệp gặp nhiều khó khăn, đẩy mạnh du lịch cộng đồng, khai thác giá trị văn hóa truyền thống được xem là hướng đi mới tạo sinh kế bền vững cho người dân khu vực Tây Bắc Nghệ An. Tuy nhiên, trên thực tế, các điểm du lịch cộng đồng tại đây vẫn chủ yếu là tự phát mà thiếu sự đầu tư, gắn kết giữa chính quyền địa phương, ngành du lịch và các ngành liên quan trong quản lý, đầu tư. Chính điều này đã hạn chế khả năng tiếp cận việc làm của người lao động (vì trong ba khu vực kinh tế, khu vực dịch vụ có khả năng tạo việc làm nhiều nhất).

Những thành quả của sự tăng trưởng kinh tế không tác động đến việc giảm nghèo như kì vọng do trong một số trường hợp, những đối tượng yếu thế khó tiếp cận để được hưởng lợi

trực tiếp từ sự tăng trưởng này. Thậm chí, nhiều hoạt động còn có tác động xấu đến người nghèo ở đây.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế khu vực Tây Bắc còn phải đối mặt với nhiều thách thức, nguy cơ đặt ra trước mắt và lâu dài. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, thu hút đầu tư còn hạn chế, nhất là các dự án FDI; hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn còn thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Những tồn tại, hạn chế này đã cản trở khả năng phát triển sinh kế, cải thiện tình hình kinh tế của các hộ gia đình, nhất là các hộ có hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo tại các địa phương.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo và giảm nghèo tại khu vực Tây Bắc Nghệ An

3.2.1. Vị trí địa lí

Vị trí địa lí thuận lợi, tạo điều kiện trong việc giao thương, là yếu tố đảm bảo đầu vào và đầu ra cho sản phẩm của các hộ gia đình và doanh nghiệp, ngoài ra lợi thế về vị trí địa lí còn tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt

là ngành thương mại. Đối với nghèo đa chiều, lợi thế về vị trí địa lý còn là vấn đề đảm bảo sự tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân nói chung và hộ nghèo nói riêng.

Như vậy, có thể thấy vị trí địa lý của khu vực khá thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế với các địa phương trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tăng thu nhập, giảm tỉ lệ hộ nghèo và tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận hơn với các dịch vụ xã hội. Bên cạnh đó, thuận lợi về vị trí địa lý sẽ tạo nên sự kết nối giữa các địa phương trong việc thực hiện các đề án giảm nghèo có sự kết hợp giữa các huyện hoặc kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cho các huyện nghèo. Tuy nhiên, ở những huyện có vị trí địa lý không thuận lợi như Quế Phong, Quỳnh Châu tỉ lệ hộ nghèo còn cao.

3.2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Các yếu tố tự nhiên bao gồm: địa hình, khí hậu, nguồn nước, tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật và tài nguyên khoáng sản tác động (ảnh hưởng hoặc được sử dụng) tích cực và cả tiêu cực đối với quá trình phát triển kinh tế của người dân địa phương. Thông qua những tác động tích cực và tiêu cực đối với sự phát triển kinh tế (cụ thể là sinh kế) của người dân, tác động đến vấn đề nghèo và giảm nghèo.

(1) *Địa hình*: khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An có địa hình ít phức tạp, phần lớn là đồi và núi thấp, với độ cao trung bình từ 200 - 500 đến 1.000 m, xen kẽ địa hình carst nằm rải rác ở các huyện Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ. Đây là khu vực thuận lợi để phát triển lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi đại gia súc. Trong quá trình thực hiện các đề án giảm nghèo, lợi thế này cần được chú ý và phát huy. Tuy nhiên, các huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu và đặc biệt là huyện Quế Phong lại có sự phân hóa địa hình khá rõ rệt, gây khó khăn cho việc giao lưu,

đi lại và canh tác trong sản xuất nông nghiệp, cản trở công tác giảm nghèo.

(2) *Khí hậu*: về cơ bản, khí hậu của khu vực mang tính chất gió mùa nhiệt đới, á đới có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm cao, cùng với sự phân hóa đa dạng cả về thời gian và không gian là một thuận lợi lớn cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với nhiều loại nông sản phong phú; cho phép trồng các loại cây có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt; cho phép tăng vụ, xen canh, gối vụ.

Vào thời kì hoạt động của gió phơn Tây Nam, độ ẩm không khí thấp, lượng mưa thấp gây nên tình trạng khô hạn trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, một số hiện tượng thời tiết cực đoan như: sương muối xảy ra ở các huyện trung du và sương giá xảy ra ở các huyện vùng cao, tác động của bão, áp thấp nhiệt đới gây thiệt hại lớn cho mùa màng và đời sống. Đây chính là trở ngại lớn trong công tác giảm nghèo của khu vực, bởi nhiều người nghèo còn canh tác nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Chính yếu tố bất thường của thời tiết và thiên tai làm cho người nghèo càng nghèo thêm hoặc đẩy nhiều người nông dân rơi vào tình cảnh tái nghèo.

(3) *Tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất*: đất ở khu vực khá đa dạng nhưng chủ yếu là nhóm đất địa thành, một số thung lũng sông, suối có đất phù sa, thuận lợi để phát triển cây lương thực và một số cây công nghiệp ngắn ngày. Một số nhóm đất điển hình của khu vực có độ phì cao, thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả, như: đất nâu đỏ trên đá bazan (Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Thái Hòa), đất nâu đỏ trên đá vôi (Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tân Kỳ).

Về hiện trạng sử dụng đất, đất lâm nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất lên tới 72,68% diện tích tự nhiên của khu vực (chiếm 33% diện tích đất lâm nghiệp toàn tỉnh), đất chuyên dùng chiếm

3,96%, đất ở chỉ chiếm 0,95% và đất chưa sử dụng chỉ còn 3,07% [4].

Với lợi thế về tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất như đã phân tích ở trên, trong quá trình thực hiện các đề án giảm nghèo hoặc đưa ra các giải pháp giảm nghèo cần bám sát lợi thế về lâm nghiệp, cây ăn quả và cây công nghiệp.

(4) *Tài nguyên nước*: hệ thống sông ngòi của khu vực thuộc lưu vực sông Cả (sông Hiếu) với mật độ trung bình khoảng 0,6 km/km². Thủy chế sông ngòi chia thành hai mùa rõ rệt, mùa lũ chiếm 60 - 70% tổng lượng nước cả năm, gây tình trạng ngập úng hai bên lưu vực sông Hiếu; vào mùa khô tình trạng khô hạn xảy ra ở các huyện tả ngạn sông Cả (Quỳ Hợp).

Nguồn nước ngầm của khu vực khá phong phú, riêng vùng đất bazan Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp nước ngầm khá sâu nên khó khai thác. Khu vực còn có nhiều nguồn nước khoáng, nước nóng như: suối nước nóng – nước khoáng Bản Khang, Bản Hạt, Bản Bò, Bản Lạng (Quỳ Hợp), Cồn Soi (Nghĩa Đàn) có thể khai thác phục vụ du lịch.

Với sự phân hóa khá sâu sắc theo không gian và thời gian của nguồn nước mặt và nước ngầm đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp của khu vực, đặc biệt là những vùng mà hệ thống thủy lợi chưa phát triển, những vùng này thường lại là nơi sinh sống và canh tác của nhiều hộ nghèo.

(5) *Tài nguyên rừng*: một số xã dân sinh sống trong khu vực có rừng, sinh kế của nhiều người dân gắn liền với việc khai thác các nguồn lợi từ rừng như: hái măng, củi, chặt tre nứa, dược liệu, rau, lấy mật ong... Việc khai thác một số nguồn lợi từ rừng mang lại nguồn sống đáng kể cho nhiều hộ dân thiếu đất sản xuất hoặc không có việc làm ổn định.

Để đảm bảo nguồn thu cho các hộ gia đình trong quá trình khai thác một số nguồn lợi được phép khai thác từ tài nguyên rừng một cách ổn định, cần có sự kết hợp giữa việc khai thác các

nguồn lợi tự nhiên từ rừng với việc sử dụng thế mạnh về đất, khí hậu tiến hành nuôi trồng (nuôi ong, trồng dược liệu, đặc sản...).

(6) *Tài nguyên khoáng sản*: tài nguyên khoáng sản của khu vực khá đa dạng nhưng nhìn chung có trữ lượng nhỏ, chất lượng không cao. Với các khoáng sản điển hình: đá vôi và đá xây dựng (Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳ Hợp), thiếc (Quỳ Hợp), đá quý (Quỳ Hợp, Quỳ Châu), vàng (dọc sông Hiếu).

Việc khai thác một số loại tài nguyên khoáng sản đã tạo nên sự thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của địa phương, cơ sở hạ tầng theo đó cũng được đầu tư nhiều hơn, giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người nghèo. Những lao động tham gia vào hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản có nguồn thu nhập cao và ổn định hơn. Tuy nhiên, hoạt động khai thác thiếu quy hoạch lâu dài và quản lý chặt chẽ nhiều lúc vô tình đẩy nhiều lao động rơi vào vòng luẩn quẩn mất việc - tái nghèo. Bên cạnh đó, hậu quả của khai thác khoáng sản thiếu kiểm soát và công nghệ lạc hậu gây tổn thương nhiều nhất đến đối tượng người nghèo. Đó là những hệ lụy của những tai biến môi trường, thiên tai (ô nhiễm nguồn nước, lũ quét...), mất đi nguồn sống truyền thống (nguồn lợi từ rừng, trồng trọt); những tệ nạn xã hội do sự tập trung quá đông các thành phần dân nhập cư...

3.2.3. Điều kiện kinh tế - xã hội

(1) *Đặc điểm dân cư*: Năm 2021, dân số của khu vực là 635.438 người, chiếm 18,63% dân số toàn tỉnh. Mật độ dân số của khu vực khá thấp chỉ khoảng 118 người/km² (toàn tỉnh là 207 người/km²) [4]. Tuy nhiên, dân số phân bố không đều, mật độ dân số cao nhất (thị xã Thái Hòa) với địa phương có mật độ dân số thấp nhất (huyện Quế Phong) cách biệt lên tới 12,74 lần.

Sự phân bố dân cư không đồng đều đã gây ra những khó khăn đối với sự phát triển kinh

tế - xã hội, những khu vực tập trung đông dân cư (thị xã, thị trấn) cùng với sự suy giảm về tài nguyên thì việc làm là vấn đề nan giải, trong khi các khu vực dân cư thưa thớt cũng gây cản trở cho việc giúp họ tiếp cận được với các dịch vụ xã hội.

Sự đa dạng về thành phần dân tộc cũng là một đặc điểm nổi bật của dân cư khu vực Tây Bắc Nghệ An, trong đó nhiều huyện có tỷ lệ cao như: Kỳ Sơn 94,57%, Tương Dương 89,24%, Con Cuông 75,98%, Quỳnh Châu 78,84%, Quế Phong 90,09%... là nơi sinh sống lâu đời của đồng bào Thái, Mông, Khơ - Mú, Thổ, Ó Đu... Đặc điểm dân tộc đã tạo nên sự độc đáo, đa dạng trong đặc điểm văn hóa và phương thức sản xuất cho khu vực. Tuy nhiên, một số dân tộc thiểu số trình độ dân trí còn thấp, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, còn tồn tại một số phương thức sản xuất lạc hậu... khó có khả năng phát triển sinh kế mới, tiếp cận giáo dục, đây là những khó khăn lớn trong công tác giảm nghèo đối với khu vực, đặc biệt đối với nghèo đa chiều.

(2) *Lao động*: năm 2019, số lao động của khu vực là 36.753 người, chiếm tỉ trọng trong lực lượng lao động toàn tỉnh là 19,47% [2]; chất lượng nguồn lao động từng bước được nâng lên, đã tiếp cận được với thị trường lao động trong tỉnh, ngoại tỉnh và ngoài nước. Năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo của thị xã Thái Hòa đã cao hơn so với toàn tỉnh (73% so với 67,7%) nhưng ở các huyện còn lại, chất lượng lao động còn khá khiêm tốn. Ba huyện có tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt xấp xỉ 60% là: Nghĩa Đàn (61,5%), Tân Kỳ (61%) và Quỳnh Hợp (59%). Huyện Quỳnh Châu có 47% và thấp nhất là huyện Quế Phong có 37% số lao động được đào tạo (bằng ½ tỉ lệ của Thái Hòa) [9]. Đây cũng chính là yếu tố tạo nên sự khác biệt về việc làm và thu nhập của người dân giữa các địa phương.

Cơ cấu lao động của khu vực Tây Bắc Nghệ An đang có sự chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm. Tỉ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp trung bình giảm 20% trong giai đoạn 2009 - 2019; lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng thêm 10% và khu vực dịch vụ tăng thêm 11%. Đến năm 2019, phần lớn lao động vẫn tập trung trong nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp, chiếm hơn 50% tổng số lao động ở hầu hết các địa phương (trừ Thái Hòa) [2]. Cơ cấu lao động còn lạc hậu và sự chuyển dịch lao động theo ngành chậm là nguyên nhân khiến cho việc cải thiện thu nhập của người lao động gặp nhiều khó khăn, là rào cản đối với việc thay đổi tình trạng kinh tế và thoát nghèo của các gia đình khu vực Tây Bắc Nghệ An, nhất là ở các huyện Quế Phong, Quỳnh Hợp.

(3) *Cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục và thu hút đầu tư*:

- Cơ sở vật chất kỹ thuật: hệ thống thủy lợi những năm gần đây đã được cải tạo và xây dựng mới, tổng chiều dài hệ thống thủy lợi đến năm 2022 của khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An đạt 1.080 km, đảm bảo tưới tiêu cho diện tích khoảng 31.480 ha [9], bao gồm diện tích đất trồng lúa, trồng màu và diện tích nuôi trồng thủy sản; 83,6% số xã có các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu. Với sự phát triển và ngày càng hoàn thiện của hệ thống thủy lợi, đã góp phần làm tăng năng suất cây trồng cũng như giữ ổn định diện tích canh tác, góp phần ổn định sản xuất và đời sống của nông dân. Điều này làm giảm nguy cơ tái nghèo của các hộ nông dân thoát nghèo.

- Hệ thống trường phổ thông và đào tạo chuyên nghiệp: tính đến năm 2022, 100% số xã có đủ trường, lớp học cho các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Tuy nhiên, so với hệ thống các trường THPT của toàn tỉnh, hệ thống trường của

khu vực còn thiếu. Toàn khu vực có 13 trường THPT, một số huyện như Quế Phong và Quỳnh Châu mỗi huyện chỉ có 1 trường THPT. Ở khu vực có duy nhất một trường trung cấp, 5 trung tâm dạy nghề kết hợp với giáo dục thường xuyên, một trung tâm hướng nghiệp dạy nghề tư nhân. Như vậy, với những hạn chế về hệ thống các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp đã gây cản trở cho việc tiếp cận giáo dục và đào tạo nghề của lao động trong khu vực, đặc biệt là các địa phương vùng sâu, vùng xa. Hạn chế về trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật là cản trở lớn trong quá trình thực hiện chiến lược giảm nghèo của khu vực.

- Mạng lưới y tế: năm 2022, 100% số xã trên địa bàn khu vực có trạm y tế, các huyện đều có bệnh viện (01 bệnh viện khu vực, 6 trung tâm y tế và 104 trạm y tế). Tổng số giường bệnh của toàn khu vực đạt 1.225 giường bệnh [4]. Số nhân lực ngành y, dược cũng tăng lên. Số lượng người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%, trong đó người nghèo và người dân tộc thiểu số các xã vùng khó khăn đạt tỷ lệ 100%. Sự phát triển của mạng lưới y tế và nguồn nhân lực trong ngành đã góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân, đồng thời làm tăng khả năng tiếp cận với dịch vụ y tế của người nghèo. Điều này góp phần giúp người nghèo được thăm khám, chữa trị kịp thời, hạn chế vòng luẩn quẩn giữa bệnh tật - đói nghèo.

- Vốn đầu tư: trong những năm gần đây, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng nhanh, với mức bình quân 11%/năm. Năm 2022, có sự tăng trưởng vượt trội, đạt 21.107 tỉ đồng, chiếm 22,5% tổng lượng vốn đầu tư của toàn tỉnh nhưng chủ yếu tập trung tại Nghĩa Đàn (56,7% tổng nguồn vốn toàn khu vực) [9]. Các địa phương khác, nguồn vốn đầu tư chỉ khoảng 1 - 2 nghìn tỉ đồng/huyện. Điều này phản ánh rõ hạn chế về nguồn vốn trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và vấn

đề giảm nghèo nói riêng của khu vực. Cũng trong năm 2022, thu hút vốn đầu tư trên địa bàn có khoảng 40 dự án với 14.100 tỷ đồng [9], phần lớn các dự án đầu tư trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, trồng rừng... Như vậy, có thể thấy sự hạn chế của nguồn vốn đầu tư và sự phân bố không đều theo địa phương và các ngành nghề gây khó khăn cho công tác giảm nghèo ở các huyện vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo thuần nông.

Sự cải thiện về cơ sở hạ tầng nông thôn chính là yếu tố tác động làm giảm tỉ lệ thiếu hụt khả năng tiếp cận nguồn nước sạch và dịch vụ viễn thông của khu vực. Tuy nhiên, sự phân bố không đều các công trình cấp nước hợp vệ sinh giữa các địa phương trong khu vực đã tạo ra sự khác biệt khá lớn về tỉ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

4. Kết luận

Công tác giảm nghèo là một trong những mục tiêu trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Qua việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề nghèo và giảm nghèo của khu vực cho thấy những thuận lợi và khó khăn của công tác giảm nghèo.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, miền núi Tây Bắc Nghệ An vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như: tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, một số chỉ tiêu phát triển kinh tế còn thấp; khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản hiệu quả chưa cao; tỷ lệ hộ nghèo còn tương đối cao; một số hộ tụt, tập quán lạc hậu chưa được xóa bỏ; mức sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn thấp...

Vì vậy, trong quá trình thực hiện chiến lược giảm nghèo cho khu vực, cần chú ý đến việc khai thác lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên đất, rừng, khoáng sản, sự đa dạng về văn hóa đồng thời đẩy mạnh phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng cho các xã vùng sâu, vùng xa nhằm thu hút vốn đầu tư cũng như đẩy nhanh quá trình tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo. Trong đó, cần tập trung thực hiện tốt các chương trình, chính sách đầu tư, hỗ trợ đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư ở miền núi, chú trọng khuyến khích các hộ gia đình đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, trồng rừng và chăn nuôi.

Đặc biệt, khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An nằm trong vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển thế giới miền Tây Nghệ An, với tính đa dạng về thiên nhiên, văn hóa địa phương đứng đầu Đông Nam Á, là nơi còn giữ nguyên sơ các cánh rừng nguyên sinh như Pù Mát, Pù Huống, Pù Hoạt... Bên cạnh những tiềm năng do thiên nhiên ban tặng, khu vực này còn có thể khai thác phát triển du lịch từ các yếu tố văn hóa... Do vậy, trong thời gian tới, địa phương cần có giải pháp phát triển du lịch xanh, du lịch bền vững. Đây là một trong những hướng đi nhằm phát huy lợi thế tiềm năng du lịch của vùng núi Tây Bắc Nghệ An và cũng biến cái bất lợi (theo tư duy cũ) về địa hình, khí hậu và các yếu tố khác... thành lợi thế khác biệt./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An (2020), *Tài liệu hỏi đáp Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.
2. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh Nghệ An (2020), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2019*.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015), *Đề án chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều, áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*.
4. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An (2017, 2022), *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2016 và 2021*, NXB Nghệ An.
5. Tỉnh ủy Nghệ An (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*.
6. UBND tỉnh Nghệ An (2022), *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*.
7. UBND tỉnh Nghệ An (nhiều năm), *Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022*.
8. UBND tỉnh Nghệ An (2021), *Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
9. UBND các huyện, thị thuộc khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2016, 2021, 2022*.
10. World Bank (1999), *Báo cáo tình hình phát triển Việt Nam năm 2000: Tấn công đói nghèo*.

Thông tin tác giả:

Trương Thị Như Nguyệt – Bộ môn Khoa học cơ bản,
Trường Đại học Công đoàn Việt Nam
Địa chỉ: P11 tầng 4, nhà A, Đại học Công đoàn Việt Nam
Email: nguyetttn@dhcd.edu.vn; Điện thoại: 0913.58.08.98

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 18/5/2023
Biên tập: 6/2023